|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH BẮC GIANG**Số: /2017/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Bắc Giang, ngày tháng năm 2017* |

 **Dự thảo 1**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 3 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Có biểu giá kèm theo Quyết định)*

1. Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và được áp dụng cho các điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối với điểm, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, mức giá trông giữ xe tối đa bằng 1,2 lần mức giá điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện được thu tiền trông giữ xe.

2. Mọi tổ chức, cá nhân là chủ phương tiện có nhu cầu gửi trông giữ xe tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện đều phải thực hiện nộp tiền trông giữ xe theo mức giá quy định trên.

3. Đối với học sinh, sinh viên thường xuyên gửi xe đạp, xe máy tại trường học thì tổ chức, cá nhân phải thu theo giá vé tháng.

**Điều 3. Quản lý dịch vụ trông gữi xe**

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trông giữ phương tiện phải được cấp phép hoạt động phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Khoản thu được từ dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật, đảm bảo bù đắp chi phí đầu tư và thực hiện công tác trông giữ xe; có lợi nhuận định mức phù hợp với tình hình phát triển kinh tế của địa phương trong từng thời kỳ. Hàng năm, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện quyết toán thuế đối với doanh thu thu được cùng với kết quả hoạt động kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan Thuế.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính, phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ trông giữ xe của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn.

2. Cơ quan Thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định về pháp luật về thuế; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quan lý Thuế.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Giang (sau đây gọi là UBND cấp huyện) căn cứ kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của từng địa phương quy hoạch các điểm trông giữ xe cho phù hợp với điều kiện thực tế, để cấp phép hoạt động cho các tổ chức, cá nhân được phép trông giữ xe.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thường xuyên giám sát việc thực hiện mức giá trông giữ xe và thực hiện nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước trên địa bàn theo đúng quy định; chỉ đạo phòng, ban có chức năng kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện chính sách liên quan đến giá dịch vụ trông giữ xe. Thực hiện báo cáo đinh kỳ theo quy định về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Giao UBND cấp huyện, các cơ quan thuộc tỉnh lập dự toán thu, chi làm cơ sở giao khoản cho tổ chức, cá nhân thu tiền dịch vụ trông giữ xe theo hình thức đấu thầu.

Đối với điểm đỗ, bãi trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Căn cứ mức thu tối đa quy định tại Điều 1, Quyết định này, Chủ đầu tư phê duyệt giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe, báo cáo UBND cấp huyện và Sở Tài chính để giáp sát thực hiện.

4. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 3 năm 2017./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 4;- Văn phòng Chính phủ(b/c);- Bộ Tài Chính - Cục Quản lý Công sản, Cục Quản lý Giá; Bộ Tư pháp - Cục Kiểm tra VB QPPL;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;- MTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh- VPHĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;- LĐVP;- Lưu VT, KT./. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Thị Thu Hà** |

**GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE TẠI CÁC ĐIỂM ĐỖ, BÃI TRÔNG XE ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /2017/QĐ-UBND ngày /3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Danh mục** | **Đơn vị tính** | **Mức thu**  |
|
| **A** | **Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, xe ô tô trả theo lượt ban ngày *(từ 6 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút)*** |
| **I** | ***Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tầu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.*** |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | Đồng/xe/lượt | 1.000 |
| 2 | Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) | Đồng/xe/lượt | 3.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi | Đồng/xe/lượt | 10.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng) | Đồng/xe/lượt | 15.000 |
| **II** | ***Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.*** |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | Đồng/xe/lượt | 2.000 |
| 2 | Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) | Đồng/xe/lượt | 4.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi | Đồng/xe/lượt | 15.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng) | Đồng/xe/lượt | 20.000 |
| **B** | **Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo lượt ban đêm *(từ 18 giờ 00 phút đến 6 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau)*** |
| **I** | ***Khu vực bệnh viện, trường học, chợ, bến xe, ga tầu và các khu vực được cấp phép trông giữ xe theo đúng quy hoạch.*** |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | Đồng/xe/lượt | 2.000 |
| 2 | Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) | Đồng/xe/lượt | 4.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi | Đồng/xe/lượt | 15.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng) | Đồng/xe/lượt | 25.000 |
| **II** | ***Khu vực có Lễ hội, Hội chợ, khu du lịch, tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa.*** |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | Đồng/xe/lượt | 2.000 |
| 2 | Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) | Đồng/xe/lượt | 5.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi | Đồng/xe/lượt | 20.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng) | Đồng/xe/lượt | 30.000 |
| **C** | **Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe gắn máy, xe mô tô, ô tô trả theo tháng** |
| 1 | Xe đạp, xe đạp điện | Đồng/xe/tháng | 15.000 |
| 2 | Xe mô tô 2 bánh, xe mô tô 3 bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) | Đồng/xe/tháng | 40.000 |
| 3 | Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi | Đồng/xe/tháng | 350.000 |
| 4 | Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi đến 29 chỗ ngồi  | Đồng/xe/tháng | 450.000 |
| 5 | Xe ô tô từ 29 chỗ ngồi trở lên và các loại xe ô tô khác (Xe chuyên dùng, xe tải, xe lu, xe cẩu) | Đồng/xe/tháng | 600.000 |
| 6 | Đối với giá trông giữ xe theo tháng tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn mức thu bằng 60% theo mức giá quy định tại mục này |